

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRỪNG KHÁNH

Công ty chúng tôi kính gửi quý Trung tâm Y tế báo giá sau:

| STT | Tên vật tư y tế, hóa chất sinh phẩm                     | Đơn vị tính | Quy cách | Số lượng | Giá bán | Thành tiền | Giá kê khai, công khai | Link giá kê khai, công khai |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------|----------|----------|---------|------------|------------------------|-----------------------------|
| 1   | Kéo y tế                                                | Cái         |          | 4        |         |            |                        |                             |
| 2   | Panh y tế                                               | Cái         |          | 4        |         |            |                        |                             |
| 3   | Hộp đựng dụng cụ Inox có nắp đậy (kích thước...)        | Cái         |          | 4        |         |            |                        |                             |
| 4   | Cống đựng huyết tương (dùng cho máy sinh hóa)           | Cái         |          | 10,000   |         |            |                        |                             |
| 5   | Test viêm gan B (Hãng SD)                               | Test        |          | 100      |         |            |                        |                             |
| 6   | Test HIV (Hãng SD)                                      | Test        |          | 200      |         |            |                        |                             |
| 7   | Ống đựng nước tiểu                                      | Ống         |          | 2,000    |         |            |                        |                             |
| 8   | Giấy in nhiệt (dùng cho máy huyết học Mindray 300 Plus) | cuộn        |          | 30       |         |            |                        |                             |
| 9   | Ống nghiệm ETDA (nắp xanh)                              | Cái         |          | 3,000    |         |            |                        |                             |
| 10  | Ống nghiệm hạt nhựa (nắp đỏ)                            | Cái         |          | 2,000    |         |            |                        |                             |

|    |                                      |     |        |  |  |  |  |
|----|--------------------------------------|-----|--------|--|--|--|--|
| 11 | Đầu côn to (xanh)                    | Cái | 10,000 |  |  |  |  |
| 12 | Đầu côn nhỏ (vàng)                   | Cái | 5,000  |  |  |  |  |
| 13 | Kim chích máu                        | Cái | 4,000  |  |  |  |  |
| 14 | Cốc đựng đờm (nhựa có nắp)           | Cái | 500    |  |  |  |  |
| 15 | Lam kính đầu mờ                      | Hộp | 5      |  |  |  |  |
| 16 | Giá đựng xét nghiệm 2 tầng bằng Inox | Cái | 5      |  |  |  |  |
| 17 | Kim cắt bột                          | Cái | 1      |  |  |  |  |
| 18 | Găng phẫu thuật tiệt trùng (các cỡ)  | Đôi | 200    |  |  |  |  |
| 19 | Huyết thanh mẫu ABO                  | Bộ  | 2      |  |  |  |  |
|    | Anti A                               | Lọ  | 2      |  |  |  |  |
|    | Anti B                               | Lọ  | 2      |  |  |  |  |
|    | Anti AB                              | Lọ  | 2      |  |  |  |  |
|    | <b>Tổng cộng</b>                     |     |        |  |  |  |  |

Bằng chữ: ..... ./.